

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST
Ngày: 25 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản, và thế chấp
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Chung Thị Thu Nguyệt.
- Ông Nguyễn Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Vào 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 470/2020/TLST-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, và thế chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185A/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: **154/2023/QĐST-DS** ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; Trụ sở tại : Số B N, Phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Số E, N, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh G, sinh năm 1987; Chức vụ: Phó phòng giao dịch huyện L. Anh G là người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng thương mại cổ phần S (Văn bản ủy quyền số 115/GUQ-CNĐT, ngày 24/3/2020 của Ngân hàng). Anh G vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lương Hữu N, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số D ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ông N vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lương Thị T, sinh năm 1950; Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà T vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Bà Lương Thị C, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà C vắng mặt tại phiên tòa.

3/ Bà Lương Thị T1, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số D ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà T1 vắng mặt tại phiên tòa.

4/ Ông Lương Văn T2, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ông T2 vắng mặt tại phiên tòa.

5/ Bà Lương Thị Ú, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà Ú vắng mặt tại phiên tòa.

6/ Ông Lương Văn P, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số A, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ông P vắng mặt tại phiên tòa.

7/ Ông Ngô Thiện T3, sinh năm 1960; Ông T3 vắng mặt tại phiên tòa.

8/ Anh Ngô Thiện T4, sinh năm: 1990; Anh T4 vắng mặt tại phiên tòa.

9/ Anh Ngô Duy N1, sinh năm: 1991; Anh N1 vắng mặt tại phiên tòa.

10/ Chị Ngô Thị Thùy T5, sinh năm: 2004; Chị T5 vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

11/ Bà Huỳnh Trung T6, sinh năm: 1980; Bà T6 vắng mặt tại phiên tòa.

12/ Chị Lương Thị Trúc L, sinh năm: 2000; Chị L vắng mặt tại phiên tòa.

13/ Anh Lương Văn N2, sinh năm: 2002; Anh N2 vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S là anh Nguyễn Minh G trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã giao kết với ông Lương Hữu N hợp đồng vay số LD 1634300132 ngày 08/12/2016 để cho ông Lương Hữu N vay số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn để sản xuất nông nghiệp (trồng quýt); thời hạn trả nợ cuối kỳ vào ngày 08/12/2019; Lãi suất 0,92%/tháng (11%/năm), lãi suất sẽ được áp dụng trong 03 tháng đầu tiên, kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Đ - Phòng G1 cộng biên độ 4%/năm; Và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

số 1634300132, ngày 12/12/2016 với ông Lương Hữu N và bà Nguyễn Thị B để nhận thế chấp quyền sử dụng đất nhằm đảm bảo cho khoản vay trên.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Đ - Phòng G1 đã giải ngân đầy đủ 200.000.000 đồng cho ông N theo đúng nội dung hợp đồng cho vay đã giao kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng cho vay số LD 1634300132 ngày 08/12/2016. Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông N trả nợ nhưng cả hai vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 20/3/2020, ông N còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tổng cộng 213.534.167 đồng (nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 20/3/2020 là 13.534.167 đồng). Từ đó đến nay, ông N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả bất kỳ khoản tiền nào cho phía Ngân hàng.

Theo yêu cầu khởi kiện được Tòa án thụ lý, nguyên đơn yêu cầu ông N có nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng vay nêu trên và yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 1634300132, ngày 12/12/2016 giữa nguyên đơn với ông Lương Hữu N và bà Nguyễn Thị B là có hiệu lực pháp lực, và yêu cầu ông N và bà B thực hiện nghĩa vụ đảm bảo theo hợp đồng đã nêu. Tuy nhiên, đến ngày 18/7/2023, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung yêu cầu giải quyết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 1634300132, ngày 12/12/2016, chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông N trả nợ vay cho Ngân hàng, mà không yêu cầu giải quyết hợp đồng thế chấp nữa.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông N còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Đ - Phòng G1 số tiền tổng cộng 333.358.904 đồng (nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 87.758.904 đồng, lãi quá hạn 45.600.000 đồng).

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, để tăng số tiền nợ vay mà ông N phải trả cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể:

Yêu cầu buộc ông Lương Hữu N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ vay là 333.358.904 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm lẻ bốn đồng). Và yêu cầu ông Lương Hữu N phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số LD 1634300132 ngày 08/12/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Ngân hàng Thương mại cổ phần S không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 1634300132, ngày 12/12/2016 trong vụ án này.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 03/7/2023, bị đơn Lương Hữu N trình bày:

Năm 2016, ông N có thế chấp 02 thửa đất do mình đứng tên để đảm bảo hợp đồng vay của mình với Ngân hàng Thương mại cổ phần S, số tiền vay được ông N cho ông Lương Văn P (là anh em cô cậu ruột với ông N) mượn. Ông P nhờ ông N vay tiền dùm, hứa sẽ có nghĩa vụ trả tiền vay cho Ngân hàng để xóa chấp đúng hạn. Nghĩ là anh em nên ông N đã vay dùm ông P.

Đến nay, nợ đã quá hạn, nhưng ông P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên ông N không có tiền để trả Ngân hàng và xóa thế chấp.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng, ông N đồng ý, tuy nhiên ông P có hứa sẽ trả tiền vay cho Ngân hàng nên ông N xin cho gia hạn thêm 02 tháng để ông P thực hiện lời hứa. Trường hợp ông P không thực hiện thì đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định. Riêng đối với hợp đồng vay và thuê đất giữa ông P và ông N thì ông N không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, mà để các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông N vắng mặt không rõ lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị T1, ông Lương Văn T2 là người trực tiếp sử dụng phần đất mà ông N thế chấp để vay tiền, bà T1 và ông T2 có ý kiến tranh chấp về phần đất mình đang sử dụng, nhưng do Ngân hàng đã rút yêu cầu tranh chấp đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đối với phần đất này, nên bà T1 và ông T2 cũng thống nhất không tranh chấp về quyền sử dụng đất trong vụ án này. Bà T1 và ông T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2023 của Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn P trình bày: Ông P với ông Lương Hữu Nghĩa là anh em họ hàng gần. Ông P có thỏa thuận với ông N để thuê quyền sử dụng đất thửa đất số 34, tờ bản đồ 54 hiện hộ ông N đang đứng tên với thời hạn là 12 năm, giá thuê là 4 triệu đồng/ năm. Ông P đã trả đủ tiền thuê cho ông N và hiện đang sử dụng phần đất này để trồng thuốc nam. Ông P có biết việc ông N thế chấp quyền sử dụng thửa đất này để vay tiền Ngân hàng vì ông N vay số tiền này để cho ông P vay lại. Hiện nay do ông P không có tiền trả cho ông N nên ông N chưa trả tiền cho Ngân hàng. Ông P không yêu cầu gì về tài sản của ông P có trên đất mà sẽ tự nguyện di dời nếu Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp của ông N với Ngân hàng. Ông P cũng không yêu cầu, tranh chấp gì về hợp đồng thuê đất giữa ông P và ông N trong vụ án này. Khi có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan còn lại dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo; cũng như được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ là ý kiến của bị đơn về nội dung vụ án. Tuy nhiên, những người này vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như

vắng mặt không rõ lý do tại phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, và phiên tòa hôm nay. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của những người này về nội dung vụ án.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu:*

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng, còn bị đơn không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung vụ án, xét thấy phía nguyên đơn trình bày về việc giao kết, nội dung của hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp, đưa ra yêu cầu, cung cấp chứng cứ chứng minh đầy đủ, và được bị đơn thừa nhận, cho thấy sự việc giao kết, thực hiện hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay nên, xác định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ trong hợp đồng vay là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về hợp đồng thế chấp để đảm bảo khoản vay này, phía nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng thế chấp với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại thời điểm xét xử, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay theo hợp đồng vay được giao kết giữa bên cho vay là nguyên đơn và bên vay là các bị đơn. Từ đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ tranh chấp dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn là anh Lương Hữu N có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và những đương sự còn lại vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khi thụ lý vụ án, và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thụ lý yêu cầu tranh chấp về hợp đồng thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trong cho đồng vay đang tranh chấp theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có văn bản rút lại yêu cầu về việc tranh chấp hợp đồng thế chấp với bị đơn là ông Lương Hữu N. Phía bị đơn không có yêu cầu phản tố, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu độc lập. Xét thấy việc rút lại yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tranh chấp hợp đồng thế chấp của nguyên đơn là phù hợp với nguyên tắc đương sự có quyền quyết định và tự định đoạt và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm, việc thay đổi yêu cầu này vẫn nằm trong phạm vi giải quyết tranh chấp hợp đồng vay nên chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc giao kết và nội dung hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn được thể hiện bằng hợp đồng cho vay số LD 1634300132 ngày 08/12/2016, do phía nguyên đơn xuất trình và bị đơn cũng thừa nhận và không tranh chấp gì về nội dung hợp đồng. Đủ cơ sở xác định sự việc giao kết hợp đồng vay này giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, về nội dung hợp đồng vay đúng như lời trình bày của nguyên đơn.

[2.2] Về hiệu lực của các hợp đồng vay đã giao kết.

Nguyên đơn là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động đúng quy định pháp luật. Khi nguyên đơn và bị đơn giao kết hợp đồng vay này đều đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. Trong hợp đồng vay có thể hiện chữ ký và chữ viết ghi họ tên của ông Lương Hữu N tại mục người vay và mục đích vay để sản xuất nông nghiệp, cho thấy mục đích, nội dung của giao dịch dân sự nêu trên không vi phạm điều cấm của luật cũng như không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng vay được các bên ký kết đã đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự, nên các hợp đồng vay này được công nhận và pháp luật bảo vệ.

[2.3] Về quá trình thực hiện hợp đồng vay

Sau khi giao kết hợp đồng vay, nguyên đơn đã giao đủ số tiền cho vay cho phía bị đơn nhận. Nhưng đến hạn, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng vay này. Nội dung này do nguyên đơn trình bày, cung cấp chứng cứ chứng minh và được bị đơn thừa nhận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông N còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tổng cộng 333.358.904 đồng (nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 87.758.904 đồng, lãi quá hạn 45.600.000 đồng).

[2.4] Về yêu cầu của nguyên đơn.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay tổng cộng 333.358.904 đồng (nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 87.758.904 đồng, lãi quá hạn 45.600.000 đồng) và yêu cầu ông Lương Hữu N phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận tại

hợp đồng cho vay số LD 1634300132 ngày 08/12/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp các điều 357, 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[2.5] Nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 1634300132, ngày 12/12/2016 hai bên đã giao kết, phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn và không xem xét giải quyết tranh chấp về hợp đồng thế chấp trong cùng vụ án này.

[2.6] Về lời trình bày của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn P về việc bị đơn là ông N vay số tiền này để cho ông P vay lại, sự việc này cả ông N và ông P thống nhất thừa nhận, nhưng cả hai đều không yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay này nên không xem xét.

[2.7] Do không xem xét giải quyết về hợp đồng thế chấp trong vụ án này nên không xem xét lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hiện đang sử dụng đất như ông Lương Văn T2 và bà Lương Thị T1.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp quy định nên chấp nhận

[4] Về chi phí tố tụng: Là chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã chi là 200.000 đồng. Do phía nguyên đơn có yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ để giải quyết tranh chấp về hợp đồng thế chấp. Nhưng đến nay, nguyên đơn đã rút lại phần yêu cầu này nên phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về việc thực hiện nghĩa vụ chậm thi hành án trên số tiền còn phải thi hành án của người phải thi hành án được thực hiện theo quy định tại cả điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 357, Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc ông Lương Hữu N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ trong hợp đồng vay số LD 1634300132 ngày 08/12/2016, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 333.358.904 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm lẻ bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 1634300132, ngày 12/12/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Lương Hữu N và bà Nguyễn Thị B.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lương Hữu N phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.668.000 đồng (Mười sáu triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Anh N chưa nộp.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.338.000 đồng (Năm triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005877, ngày 22/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Mỹ Xuân

